



## HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG Ở MỘT SỐ ĐÔ THỊ MIỀN TRUNG THỜI KỲ CHÚA NGUYỄN

Nguyễn Thị Nguyệt

Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang

**Tóm tắt:** Nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của kinh tế ngoại thương, đặc biệt là kinh tế ngoại thương ở một số đô thị của các tỉnh miền Trung trong giai đoạn lịch sử tiền cận đại là một vấn đề vô cùng quan trọng. Bài viết đánh giá sự ra đời và đặc điểm kinh tế ngoại thương ở các đô thị của các tỉnh miền Trung nước ta thời kỳ chúa Nguyễn để lý giải những giá trị khoa học lịch sử trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế nước ta và rút ra những bài học cho công cuộc phát triển kinh tế ngoại thương hiện nay.

**Từ khóa:** Hội An; Thanh Hà; Nước Mặn; Thương cảng;

### 1. Đặt vấn đề

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, đến các thế kỷ XVI - XVIII, một số đô thị miền Trung thời chúa Nguyễn như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn với vị trí địa lý thuận lợi, nền sản xuất hàng hóa phát triển, thị trường buôn bán trong nước sôi động đã thu hút sự chú ý của thương nhân ngoại quốc; và vấn đề mở cửa để giao thương với bên ngoài trở thành nhu cầu bức thiết cả về phía chính quyền nhà nước lẫn nhân dân. Với những điều kiện thuận lợi trong nước, nắm bắt được tình hình, xu thế hải thương thế giới cũng như trong khu vực, chúa Nguyễn đã thực hiện chính sách mở cửa, chủ động mời gọi thương nhân các nước phương Đông và phương Tây cập bến cảng Đàng Trong để trao đổi, mua bán. Với chính sách hướng biển, làm giàu từ biển, tăng cường sức mạnh và tiềm lực cho chính quyền thông qua thương mại, các chúa Nguyễn đã đưa nền kinh tế Đàng Trong bước sang một giai đoạn mới - phát triển vượt bậc về ngoại thương. Chính ngoại thương là một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng tác động đến sự thịnh suy của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Có thể nói rằng, tiềm lực kinh tế vững mạnh của chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong có được là kết quả của sự tổng hòa nhiều yếu tố, nhưng ngoại thương mới là điểm khác biệt, tạo điểm nhấn căn bản nhất. Với chúa Nguyễn thì không còn chuyện “ngăn sông, cấm chợ” mà là khuyến khích hoạt động trao đổi, buôn bán giữa các vùng miền trong cõi và buôn bán với thương nhân ngoại quốc.

Hiện nay, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam là tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước trên thế giới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó vấn đề hợp tác kinh tế luôn giữ vị trí quan trọng, đặc biệt ưu tiên hàng đầu. Vậy nên, việc lần giở những trang sử cũ để tìm hiểu, khảo cứu về ngoại thương ở một số đô thị miền Trung thời chúa Nguyễn nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho đường hướng phát triển thực tại ở Việt Nam là việc làm thực sự cần thiết, mang tính thời sự.

### 2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

#### 2.1. Bối cảnh lịch sử và chính sách mở cửa ngoại thương của chúa Nguyễn

Thế kỷ XVI, sau khi các cuộc phát kiến lớn về địa lý được thực hiện thành công, các nước phương Tây đã thực hiện chính sách hướng biển sang phương Đông để tiến hành hoạt động thương mại - truyền giáo. Bồ Đào Nha là những người tiên phong thâm nhập vào thị trường châu Á bằng đường biển, và sau đó là người Hà Lan, Anh, Pháp...; một mạng lưới thương mại/luồng hải thương thế giới nối liền từ Tây sang Đông đã được thiết lập. Trước sự thâm nhập mạnh mẽ và thậm chí là có lúc ô ạt của người phương Tây, hầu hết các quốc gia phương Đông nói chung và các nước ở khu vực Đông Nam Á nói riêng đều tìm lối đi cho mình trong chính sách ngoại giao - thương mại.

Ở Đại Việt (Việt Nam), hồi thế kỷ XVII, đất nước bị phân liệt thành hai thế lực Đàng Trong và Đàng Ngoài với hai chính quyền tách biệt nhau. Ở Đàng Trong, vào nửa sau thế kỷ XVI,

khi chúa Nguyễn Hoàng lập nghiệp, đóng dinh phủ ở Ái Tử, Trà Bát thuộc huyện Vũ Xương, phủ Triệu Phong (nay là huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị) đã nhanh chóng tiến hành các hoạt động giao thương với các nước bên ngoài, đón nhận các thương thuyền của Trung Quốc, Nhật Bản... đến buôn bán ở Càng Cửa Việt (Càng Mai Xá). Nhiều mặt hàng nước ngoài được đưa vào bán ở Dinh Chúa, chợ phiên Cam Lộ và các nơi; đồng thời, thương nhân ngoại quốc cũng mua nhiều mặt hàng địa phương để mang đi. Như vậy, ngay từ thời chúa Nguyễn Hoàng, ông đã sớm thực hiện chính sách mở cửa ngoại thương. Sau đó, các chúa Nguyễn tiếp tục có nhiều chính sách nhằm ưu tiên phát triển thương nghiệp cả về nội thương lẫn ngoại thương. Vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú, sản xuất hàng hóa phát triển, sự sôi động của thị trường trong nước là những tiền đề quan trọng để chúa Nguyễn có thể mạnh dạn mở cửa, chủ động mời gọi thương nhân nước ngoài từ Đông sang Tây giòng buồm đến Đàng Trong giao dịch, mua bán.

Chúa Nguyễn chủ động mở cửa, mời gọi thương nhân nước ngoài, mà đặc biệt là thương nhân các nước phương Tây đến Đàng Trong giao dịch, mua bán vì nhiều mục đích, toan tính khác nhau. Trong đó, mục đích lớn nhất là mua sắm các loại vũ khí quân sự tối tân được sản xuất ở phương Tây thời bấy giờ nhằm gia tăng sức mạnh cho quân đội, đủ khả năng để chống lại quân Trịnh ở Đàng Ngoài trong các cuộc giao tranh.

Chính sách mở cửa phát triển ngoại thương của chúa Nguyễn ở Đàng Trong được Cristoforo Borri ghi lại: *“Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, người để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hóa của họ... Phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ tỏ ra sợ một nước nào trên thế giới. Thật là hoàn toàn trái ngược với vua Trung Hoa, ông này sợ tất cả, đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không cho phép buôn bán trong nước ông. Các sứ giả phải nại nhiều lý do mới được như ý sở cầu”*[2].

Sự chủ động mở cửa giao lưu, buôn bán với nước ngoài của chúa Nguyễn ở Đàng Trong còn thể hiện ở chỗ nhiều lần cử thuyền công ra nước ngoài để mua các vật dụng để phục vụ cho nhu cầu của chính quyền, mà thông qua đó cũng là để thiết lập quan hệ buôn bán. Ví như tháng 8 năm Nhâm Thìn (1712), chúa Nguyễn Phúc Chu thấy nước Chân Lạp sản nhiều sơn tốt, bèn sai người đem 100 lạng vàng sang đến nơi thì theo giá mà mua để dùng về việc nước [4]. Hoặc vào

tháng 2 năm Bình Thìn (1736), chúa Nguyễn Phúc Chú thăng cho Mạc Thiên Tứ làm Khâm sai Đô đốc Tung Đức hầu, *“ban cho ba chiến thuyền long bài, miễn cho lệ thuế thuyền buôn, hàng năm ra nước ngoài mua đồ vật quý, đến Kinh dâng tiến”* [3].

## 2.2. Hoạt động ngoại thương ở đô thị Hội An dưới thời chúa Nguyễn

Từ nửa sau thế kỷ XVI, khi nền thương mại phương Tây đang ồ ạt dồn về phương Đông để tìm kiếm thị trường, lệnh “hải cấm” của nhà Minh cũng bị bãi bỏ (1567), chính sách mở cửa của Mạc phủ Nhật Bản được ban hành (1592). Cũng trong thời gian này, chúa Nguyễn Hoàng và trấn thủ dinh Quảng Nam là Nguyễn Phúc Nguyên đã viết nhiều thư kêu gọi thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Hội An, một địa chỉ có thương hiệu hấp dẫn “Faifo” trở thành một trung tâm thương mại hàng đầu của nước ta thu hút thương khách nhiều nước đến buôn bán và lưu trú, đặc biệt là thương nhân Nhật Bản.

Sự thu nhận người Nhật nhập cư ở Hội An của Chúa Nguyễn trước hết nhằm giải quyết nhu cầu bức thiết cho một số thương nhân Nhật theo Thiên chúa giáo bị Nhật hoàng trục xuất và sau đó đóng cửa không cho họ quay lại chính quốc. Sau khi có chính sách mở cửa (1592), thương nhân Nhật Bản đến Hội An ngày càng đông. Đồng thời, thương nhân Trung Quốc thời nhà Minh bỏ lệnh “hải cấm” cũng đến Hội An và có yêu cầu ở lại lâu dài để buôn bán với thương nhân Nhật Bản. Một lý do khác quan khác để Hội An trở thành đô thị quốc tế với sự lưu trú lâu dài của giới thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc là các thương vụ tập nập diễn ra trên đất Hội An chỉ 6 tháng đầu mỗi năm vào mùa khô. Đến cuối mùa hè các thuyền căng buồm để gió mùa tây – nam đưa về đất bắc; Hội An trở nên hoang vắng. Trước tình hình đó, phủ chúa phải có giải pháp nhằm thỏa mãn yêu cầu cho thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc cũng chính lợi ích của chính quyền sở tại là cho phép họ chọn một nơi gần thương cảng Hội An để lập phố buôn bán và cư trú lâu dài. Từ đó ở Hội An đã hình thành hai khu phố tự trị của người Nhật và người Hoa. Vì cho tiện việc hội chợ, Chúa Nguyễn cho phép người Trung Quốc và Nhật Bản làm nhà cửa theo tỷ lệ người của họ để dựng nên một đô thị. Đô thị này gọi là Faifo và nó khá lớn. Chúng tôi có thể nói có hai thành phố, một của người Trung Quốc và một của người Nhật. Họ sống riêng biệt, đặt quan cai trị riêng và theo phong tục, tập quán của mỗi nước [1].

Vào thời điểm nói trên ở vùng đất Quảng Nam, Chúa Nguyễn cũng tiếp nhận nhiều thuyền buôn Bồ Đào Nha và Hà Lan đến buôn bán và

dự định cấp cho người Bồ ở vùng cận cảng Đà Nẵng 3-4 dặm đất để lập phố với những tiện nghi và ưu đãi như Chúa Nguyễn đã dành cho người Nhật và người Hoa.

Do có vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng của một xứ Quảng giàu tài nguyên, dồi dào đặc sản, nguồn nhân lực tràn đầy sinh khí, chính sách ngoại kiều và ngoại thương khôn khéo, thoáng mở... nên cảng thị Hội An đã tạo nên một hấp lực lớn, thu hút nhiều thuyền buôn của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm... tập nấp đến giao thương. Từ một “Chiêm cảng” bị suy tàn, Hội An mau chóng phục hưng và trở thành trung tâm thương mại quốc tế phát triển thịnh đạt bậc nhất của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Hội An giữ vai trò trung tâm điều phối cho các thương cảng miền Trung như Thanh Hà (Huế), Thị Nại (Bình Định) và cùng với các cảng Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên... trở thành những thương cảng trọng yếu ở Đàng Trong. Không những thế, với vai trò là trung tâm liên vùng, Hội An đã cùng với Goa (Ấn Độ), Ayuthaya (Siam), Malacca (Malaysia), Batavia (Indonesia), Lyzon (Philippin)... nối kết với Formosa (Đài Loan), Macao, Hạ Môn (Trung Quốc), Pusan (Hàn Quốc) tạo nên một hệ thống thương mại hoàn chỉnh của châu Á.

### **2.3. Hoạt động ngoại thương ở đô thị Thanh Hà dưới thời chúa Nguyễn**

Với vị trí trên bến, dưới thuyền tiện lợi, cư dân ở đây có truyền thống buôn bán nên ở Thanh Hà từ trước thế kỷ XVI đã xuất hiện một chợ làng, nơi hội tụ hàng hoá của các vùng lân cận. Sự lớn lên của trung tâm thương mại Thanh Hà đồng thời với sự phát triển kinh tế hàng hoá trong nước và tác động của luồng mậu dịch quốc tế, cùng chế độ cát cứ và công cuộc mở đất Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Đón được luồng thương mại thế giới nhất là Hoa thương, Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn nhất, cửa ngõ giao thương hàng đầu của thời Kim Long – Phú Xuân thịnh trị vào thế kỷ XVII – XVIII. Thanh Hà là địa chỉ hấp dẫn thương khách nhiều nước Trung Quốc, Nhật Bản của châu Á, của các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...

Năm 1636, ngay lúc mới chuyên dinh từ Phước Yên vào Kim Long chúa Nguyễn Phúc Lan đã cho phép thành lập phố Thanh Hà. Lúc mới thành lập, phố Thanh Hà chủ yếu là người Việt cư trú để buôn bán với nước ngoài phần lớn là Hoa thương. Đến giữa thế kỷ XVII, người Hoa di dân được Chúa Nguyễn cho lập phố ở Thanh Hà mà thế hệ đầu tiên có Trần Dưỡng Thuận (1610 – 1688), quê quán phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến. Từ đó đến cuối thế kỷ thứ

XVII, nhiều Hoa thương tiếp tục đến Thanh Hà cư trú, nhất là sau năm 1685, nhà Thanh cho phép các thuyền buôn Trung Quốc xuất bến đến các nước láng giềng buôn bán.

Thanh Hà trong thế kỷ XVII, chỉ hai dãy phố lọt tranh nằm về phía tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính quay mặt ra bờ sông. Sau khi chiếm được bãi đất bồi, Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay lưng ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Năm 1700, Hoa thương mới được phép xây phố bằng gạch và lợp ngói để tránh hoả hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch trong thời áp đông (từ tháng 10 cuối năm đến tháng 3 năm sau).

### **2.4. Hoạt động ngoại thương ở đô thị Nước Mặn dưới thời chúa Nguyễn**

Ở Đàng Trong, sau hai đô thị cảng Hội An và Thanh Hà là Nước Mặn ra đời rất sớm được ghi trong Hồng Đức bản đồ với tên gọi “Nước Mặn hải môn”, là trung tâm buôn bán xuất nhập khẩu không những cho phủ Quy Nhơn mà cả các dinh, phủ ở phía nam. Đầu thế kỷ XVII, luồng buôn bán giữa Hội An và Nước Mặn với một số trung tâm thương mại quốc tế được thể hiện trên bản đồ số 24 vẽ vào năm 1608 có ghi hai địa danh được thương nhân nước ngoài thường đến buôn bán là Hải Phố (tức Hội An) và Thị Nại (tức Nước Mặn hồi bấy giờ) nằm trên đường hàng hải đến với Vuconva [2]. P.B.Lafont cũng cho biết, trong các cảng ở Đàng Trong thì Binaí (tức Thị Nại) thuyền buôn các nước Phương Tây, Malasia và một số nước khác thường đến buôn bán.

Nước Mặn trở thành một biểu tượng đẹp về đời sống phồn hoa đô hội của phủ Quy Nhơn xưa và của cả xứ Đàng Trong. Tới ngày chợ phiên, tàu thuyền đậu kín bến, voi chõu lâm sân từ miền thượng về, ngựa thồ hàng từ các thị trấn, thị tứ trong vùng tới. Người trong nước, ngoài nước đủ màu da, nhiều tiếng nói đi lại nhộn nhịp trên đường phố. Hàng hóa Đông - Tây đủ màu, đủ kiểu bày trong các cửa hiệu, ngoài quán chợ. Là nơi tụ hội, chung sống của người Việt, người Hoa, người Chăm, có cả người Nhật đến buôn bán, các giáo sĩ phương Tây đến truyền giáo, xây dựng nhà thờ Công giáo ở đây và cùng với đó là cộng đồng tín đồ Công giáo hình thành. Tại đây đã diễn ra quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa rất phong phú. Chính Chùa Bà và Lễ hội Đô thị Nước Mặn là biểu tượng trung tâm của sự giao lưu, tiếp biến đó.

#### 4. Kết luận

Từ cuối thế kỷ XVI đến hết thế kỷ XVII, hoạt động ngoại thương ở các đô thị miền Trung dưới thời chúa Nguyễn đã “khoác lên mình một màu áo mới”, có những bước phát triển rất mạnh mẽ, có thể nói là đột phá so với thời kỳ trước đó. Sản xuất hàng hóa phát triển, chợ búa mọc lên khắp nơi, thuyền bè đi lại mua bán đông vui, tấp nập, hoạt động trao đổi hàng hóa diễn ra sôi nổi. Sự sôi động của thị trường trong nước đã thu hút các thuyền buôn các nước từ Đông sang Tây cập bến cảng Đàng Trong để giao thương. Trong quan hệ thương mại giữa Đàng Trong với các nước phương Đông thì Trung Quốc và Nhật Bản là hai đối tác thương mại quan trọng hàng đầu. Cả hai nước này đều có quan hệ thương mại phát đạt với Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII. Nhưng từ năm 1635 trở đi, quan hệ thương mại giữa Đàng Trong với Nhật Bản bị ngưng trệ và sau đó đứt quãng; từ đây, Trung Quốc là đối tác hàng đầu trong quan hệ thương mại giữa Đàng Trong với các nước phương Đông.

Đầu thế kỷ XVII, chúa Nguyễn một mặt duy trì quan hệ thương mại truyền thống với phương Đông, nhưng mặt khác còn tích cực, chủ động mời gọi thương nhân phương Tây đến buôn bán tại Đàng Trong, mà mục đích hàng đầu là để mua các loại vũ khí hiện đại của các nước phương Tây thời bấy giờ nhằm trang bị cho quân đội, gia tăng sức mạnh về quân sự cho chính quyền Đàng Trong. Trong quan hệ thương mại giữa Đàng Trong với phương Tây, các đối tác thương mại quan trọng nhất là: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp. Trong đó, thương nhân Bồ là những người phương Tây đã sớm đến thiết lập quan hệ thương mại – truyền giáo với chính quyền Đàng Trong, tạo được ấn tượng tốt và được chúa Nguyễn dành cho rất nhiều ưu đãi. Ngược lại, người Bồ cũng giúp cho chúa Nguyễn ở Đàng Trong về nhiều mặt, đặc biệt là vũ khí và huấn luyện quân sự.

Từ đầu thế kỷ XVIII trở đi, ngoại thương ở các đô thị miền Trung dần đi vào suy yếu. Đặc biệt, dưới thời cai trị của chúa Nguyễn Phúc Khoát, vì mong muốn có thêm thật nhiều của cải để xây dựng điện đài, phục vụ nhu cầu tiêu dùng phung phí, xa xỉ ở phủ chúa, cấp phát lương bổng cho bộ máy quan lại đã trở nên công kênh và hoạt động kém hiệu quả... chính quyền Đàng Trong đã thực hiện các chính sách thuế khóa hết sức nặng nề, đặc biệt là đối với ngành thương nghiệp.

Thêm vào đó là sự buông lỏng của chính quyền trong việc quản lý đội ngũ quan lại thu thuế đã tác động rất lớn đến ngành thương nghiệp. Quan lại ở các cơ quan thu thuế, người công tâm thì ít mà kẻ tham lam thì nhiều, đã tìm cách cách vơ vét, cướp đoạt tiền của, hàng hóa của những người đi buôn. Hệ quả là làm cho nội thương trì trệ, ngoại thương yếu kém, nguồn lực cạn kiệt, và cũng là lúc chính quyền của chúa Nguyễn ở Đàng Trong rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng để rồi đánh mất vương quyền.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Bang (2008), *Đô thị Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX”, Thanh Hóa.
2. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Người dịch, chú thích: Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị, Nxb TP HCM.
3. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tinh, Nxb Khoa học, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Người dịch: Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

# FOREIGN TRADE ACTIVITIES IN SOME CITIES OF CENTRAL IN THE NGUYEN LORDS

Nguyen Thi Nguyet

Nha Trang Central Ethnic College Preparatory School

**Abstract:** *Research on the formation and development of the foreign trade economy, especially the foreign trade economy in some cities in the central provinces in the pre-modern history period, is an extremely important issue. The article evaluates the birth and characteristics of foreign trade economy in the cities of the central provinces of our country during the Nguyen lord period to explain the historical scientific values in the process of restoring and developing the country's economy. and draw lessons for the current foreign trade economic development.*

**Keywords:** *Hoi An; Thanh Ha; Nuoc Man; Commercial port.*